TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69A/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 11 - 2019
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Lưu.

Bà Nguyễn Thanh T.

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 431/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2019 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXX - ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

<u>*Nguyên đơn:*</u> Chị ***Nguyễn Thị Bích T***, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VT, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Thôn ĐY, xã XN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư ***Vũ Khắc H*** – Văn phòng luật sư ĐHT – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

<u>*Bị đơn:*</u> Anh ***Bùi Huy T1***, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn VT, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[***Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Bích T***:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị và anh T1 kết hôn năm 2014; trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết

hôn tại UBND xã XC ngày 23/5/2014. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại xóm C, xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội tại nhà đất của gia đình nhà chồng có từ trước.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, khi mới kết hôn đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không quan T1 đến gia đình, bỏ bê vợ con. Anh T1 lại hay có lời lẽ xúc phạm, chửi bới chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên tham gia hòa giải, địa phương không hòa giải vì anh chị không yêu cầu. Giữa tháng 6 năm 2019, anh chị đã ly thân; chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn ĐY, xã XN ở còn anh T1 vẫn đang ở xóm C, xã UN. Trong quá trình chung sống, có 03 lần anh T1 đánh chị, một lần cầm bát ăn cơm ném vào đầu làm sưng đầu, một lần vào tháng 6/2019 anh T1 đạp vào mông chị, một lần khác vào tháng 7/2019 khi chị về thăm con anh T1 dùng dao dí vào cổ dọa chị, dùng dao đánh vào chân làm chân chị bị tím.

Đến nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Thảo T2, sinh 06/01/2015. Hiện nay cháu đang ở với ông bà nội và bố, sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân của công ty SD khu công nghiệp Thăng Long, thu nhập 6.000.000đ/tháng. Đặt ra giả thiết, chị không được nuôi con thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi con từ 1 đến 2 triệu đồng/tháng. Hiện nay cháu đang học tại trường mầm non UN, gần nhà ông bà nội và bố cháu đang ở.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Bích T vẫn giữ toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu.

***Quan điểm của bị đơn – anh Bùi Huy T1*:**

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Anh nhất trí như lời khai của chị T về thời gian, thủ tục kết hôn cũng như quá trình vợ chồng chung sống.

Anh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình mà gia đình nào cũng có. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và cách làm ăn. Anh thừa nhận khi mới cưới anh có ham chơi bỏ bê gia đình. Tuy nhiên cũng do tính chất công việc của anh là lái xe nên thời gian làm việc thất thường, làm một ngày một đêm, nghỉ một ngày một đêm. Anh thừa nhận những khi vợ chồng cãi vã anh có lời lẽ xúc phạm, chửi bới chị T. Anh thừa nhận có một lần cầm bát ném vào đầu vợ nhưng đã rất lâu rồi. Vào tháng 6 năm 2019, khi vợ chồng cãi vã anh có đạp vào mông vợ một cái. Vào tháng 7/2019 khi chị T về thăm con, anh có dùng dao dọa vợ và dùng chuôi dao vụt vào chân. Anh có hành động như vậy vì chị T thất hứa với anh. nhưng anh không trả lời chị T thất hứa việc gì. Sau sự việc đó, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở.

Từ khi chị bỏ về, anh đã nhiều lần gọi điện để khuyên chị về nhưng chị không về. Anh lên nhà vợ nhưng không được vào nhà, đến cổng thì đã bị gia đình nhà vợ chửi đuổi. Chưa khi nào gia đình hai bên tham gia hòa giải cho hai vợ chồng, địa phương cũng chưa khi nào hòa giải cho anh chị.

Anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ, vẫn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Ngoài ra anh không muốn ly hôn để con phải khổ. Hiện nay anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm quan hệ vợ chồng. Nếu chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị T khai. Hiện nay con đang ở với anh và ông bà nội, sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Đặt ra giả thiết phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trước đây anh làm nghề lái xe, thu nhập trung bình khoảng hơn 6.000.000 đồng/tháng. Anh đã nghỉ làm cách đây gần một tháng, hiện nay chưa đi làm gì. Nếu Tòa án giao con cho anh nuôi thì anh sẽ có công việc làm để có thu nhập nuôi con. Nếu anh không được trực tiếp nuôi con thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con từ 1 đến 2 triệu đồng/tháng. Hiện nay anh không đi làm nên không giao nộp được tài liệu, chứng cứ về thu nhập của anh theo yêu cầu của Tòa án.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T1 giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Về con chung và tài sản, công sức, nợ anh giữ nguyên như lời khai đã khai tại Tòa án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; Sau khi phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ hồ sơ trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; đề nghị giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật Tố tung. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T về việc ly hôn với anh Bùi Huy T1.

Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thảo T2, sinh 06/01/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ghi nhận sự tự nguyện của anh T1 cấp dưỡng nuôi con từ 1 đến 2 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không giải quyết vì các bên không có yêu cầu.

Về án phí: Chị T và anh T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Bùi Huy T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh chị đều có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại huyện Đông Anh. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh bỏ bê gia đình, không quan T1 đến vợ con, hay chửi bới, xúc phạm chị, nhiều lần anh đánh chị.

Anh T1 xác định mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Anh thừa nhận có hạm chơi, có những lần đánh chị và dọa đánh chị. Anh không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị V là bố mẹ của chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn vì mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, vợ chồng anh chị không thể tiếp tục chung sống.

Ông Bùi Văn A và bà Hoàng Thị L đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện thôn C và đại diện UBND xã UN xác nhận: Anh chị chung sống tại thôn C, xã UN nhưng chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của anh chị. Đề nghị Tòa án hòa giải, nếu không hòa giải được thì giải quyết theo quy định pháp luật.

Như vậy xác định quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T1 bỏ bê vợ con, không quan T1 đến gia đình. Những lần cãi vã anh T1 có đánh chị T dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2019. Chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu

của chị T về việc ly hôn anh T1 theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Anh chị đều xác định có 01 con chung là Bùi Thảo T2, sinh 06/01/2015. Hiện nay con chung đang ở với anh T1 và ông bà nội. Anh chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét điều kiện nuôi con của các bên: Chị T hiện làm công nhân tại Công ty TNHH SD Việt Nam, có thu nhập ổn định khoảng 6 đến 7 triệu đồng/tháng, có xác nhận phiếu thanh toán lương các tháng 5, 6, 7, 8, 9 năm 2019, bố mẹ chị T cũng có ý kiến về việc sẽ tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ở cho mẹ con chị T cũng như hỗ trợ chị T trong việc nuôi con. Anh T1 hiện không có việc làm, không có thu nhập ổn định. Vì vậy nên để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của anh T1 cấp dưỡng nuôi con 1 đến 2 triệu đồng/tháng. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công sức của vợ chồng và nợ chung: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T với anh Bùi Huy T1. Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Bùi Huy T1.

Hôn nhân chấm dứt kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác định chị Nguyễn Thị Bích T và anh Bùi Huy T1 có 01 con chung là cháu Bùi Thảo T2, sinh 06/01/2015 .

Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12 năm 2019 đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị T phải chịu cả để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008771 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị T và anh T1 đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã XC, huyện Đông Anh.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuyến